

Bản án số: 01/2019/KDTM-ST
Ngày: 24 - 4 - 2019
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Mai Thị Kim Thanh
2. Ông Nguyễn Thịnh Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Tuyết Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2018/TLST-KDTM ngày 03 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXXST-KDTM ngày 02 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Đoàn Văn P**, sinh năm 1990 - Chủ Cơ sở sản xuất gạch TH; địa chỉ: Tổ 11, ấp Tân Thạnh, xã Tân Bình, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của anh Đoàn Văn P: Ông **Nguyễn Quang S**, sinh năm 1968; địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn Tân Biên, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh (văn bản ủy quyền ngày 25 tháng 9 năm 2018) (có mặt).

2. Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Ánh N**, sinh năm 1983 – Chủ Cửa hàng vật liệu xây dựng HT; địa chỉ: Tổ 3, ấp Hội Tân, xã Tân Hội, huyện Tân Châu, Tây Ninh (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1949; địa chỉ: Tổ 2, ấp Hội Phú, xã Tân Hội, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

3.2. Chị **Nguyễn Thị Ngọc S1**, sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ 37, ấp Trường Lưu, xã Trường Đông, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

3.3. Ông **Dương Tấn S2**, sinh năm 1966; địa chỉ: Tổ 37, ấp Trường Lưu, xã Trường Đông, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

3.4. Bà **Võ Thị Kim N1**, sinh năm 1966, địa chỉ: Tổ 37, ấp Trường Lưu, xã Trường Đông, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

3.5. Cháu **Dương Thị Thùy T**, sinh năm 2002; địa chỉ: Tổ 37, ấp Trường Lưu, xã Trường Đông, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

3.6. Cháu **Dương Thị Mỹ Tr**, sinh năm 2004; địa chỉ: Tổ 37, ấp Trường Lưu, xã Trường Đông, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của cháu Dương Thị Thùy Trang, Dương Thị Mỹ Trinh: Chị **Nguyễn Thị Ngọc S**, sinh năm 1983 (là mẹ của cháu Trang, Trinh) vắng mặt.

3.7. Cháu **Nguyễn Ngọc Như Y**, sinh ngày 27/12/2014; địa chỉ: Tổ 3, ấp Hội Tân, xã Tân Hội, huyện Tân Châu, Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của cháu Nguyễn Ngọc Như Ý: Chị **Nguyễn Thị Ánh N**, sinh năm 1983 (là mẹ của cháu Ý) có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24 tháng 11 năm 2018 của nguyên đơn, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Quang Sang trình bày:

Từ tháng 02 năm 2017 đến tháng 12 năm 2017, anh P – Chủ Cơ sở sản xuất gạch TH có giao cho Cửa hàng vật liệu xây dựng HT (do chị N làm chủ) số gạch các loại tổng cộng là 702.750 viên với tổng số tiền 546.530.000 đồng và Cửa hàng vật liệu xây dựng HT đã thanh toán được số tiền 345.470.000 đồng, còn nợ lại 201.060.000 đồng. Đến tháng 6/2018 anh Dương Tấn Ph (chồng chị N) có hứa sẽ trả số tiền trên mỗi tháng là 10.000.000 đồng, anh Ph có viết giấy hẹn nhưng chưa trả được số tiền nào thì anh Ph chết.

Khi mua bán thì giữa anh P và chị N, anh Ph không có làm hợp đồng, khi nào anh Ph, chị N cần gạch thì anh P sẽ giao gạch, có thỏa thuận bằng miệng nếu khi anh P giao gạch, anh Ph, chị N có tiền thì sẽ trả bằng tiền mặt, nếu không có thì hẹn đến cuối năm sẽ thanh toán hết. Khi giao gạch cho anh Ph và chị N, có hóa đơn là chị N ký và có hóa đơn là anh Ph ký.

Nay, anh P khởi kiện yêu cầu chị N trả số tiền gạch còn nợ là 201.060.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại bản tự khai ngày 03/01/2019, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Nguyễn Thị Ánh N trình bày:

Chị là chủ Cửa hàng vật liệu xây dựng HT, nhưng giấy phép đăng ký kinh doanh đứng tên ông Nguyễn Văn H vì chị không có hộ khẩu tại xã TH nên không làm được giấy phép đăng ký kinh doanh được. Việc mua bán vật liệu xây dựng là do chị trực tiếp quản lý, mua bán, ông H không có liên quan đến việc kinh doanh của chị.

Vào năm 2010, chị và anh Nguyễn Tấn Ph sống chung với nhau như vợ chồng, nhưng không đăng ký kết hôn, vì anh Ph có vợ trước nhưng chưa ly hôn nên không làm thủ tục đăng ký kết hôn được. Trong quá trình sống chung với nhau chị và anh Ph có 01 con chung. Trong thời gian chị và anh Ph sống chung thì chị mua bán vật liệu xây dựng, còn anh Ph mua bán cây, lúc nào không bán cây thì anh Ph phụ chị mua bán vật liệu xây dựng.

Khi chị và anh Ph sống chung với nhau thì không có tạo lập được tài sản chung nào. Cửa hàng vật liệu xây dựng HT là tài sản riêng của chị, còn anh Ph chỉ phụ chị mua bán, không phải tài sản chung giữa chị và anh Ph.

Năm 2017, do chị không được tuổi để kinh doanh mua bán nên chị giao cho anh Ph mua bán vật liệu xây dựng. Khi anh Ph mua gạch của anh P thì chị có biết, khi anh P giao gạch nếu không có mặt anh Ph ở Cửa hàng thì anh Ph có điện thoại và chị có ký tên vào sổ nhận gạch của anh P.

Đến cuối năm 2017 (AL) thì anh P có đến tính toán lại số tiền gạch thì chị mới biết anh Ph nợ tiền của anh P hơn 200.000.000 đồng.

Đến tháng 6/2018 (AL) thì anh Ph chết và anh Ph không có để lại tài sản gì cho chị.

Nay, anh Đoàn Văn P khởi kiện yêu cầu chị trả số tiền 201.060.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, chị không đồng ý, vì anh Ph làm không có đưa tiền cho chị nên nợ này là nợ của anh Ph.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/01/2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Nguyễn Văn H trình bày:

Ông không họ hàng gì với anh Dương Tấn Ph và chị Nguyễn Thị Ánh N. Ông không nhớ rõ thời gian nào thì anh Ph, chị N có nhờ ông đứng tên giùm giấy phép đăng ký kinh doanh Cửa hàng vật liệu xây dựng HT do anh Ph, chị N không có hộ khẩu tại xã TH. Ông chỉ đứng tên giấy phép đăng ký kinh doanh giùm cho anh Ph, chị N còn việc mua bán vật liệu xây dựng là do anh Ph, chị N trực tiếp mua bán. Nay, anh P khởi kiện yêu cầu chị N trả số tiền mua bán vật liệu xây dựng còn nợ là 201.060.000 đồng thì ông không có ý kiến.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/02/2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, chị Nguyễn Thị Ngọc S1 trình bày:

Chị và anh Dương Tấn Ph sống chung với nhau vào năm 2000, có đăng ký kết hôn năm 2003 tại Ủy ban nhân dân xã TP, huyện Tân Châu, tỉnh An Giang. Khoảng năm 2011 thì anh Ph đi làm thuê tại xã TH, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh và sống chung như vợ chồng với chị N, không có về lại nhà nên vợ chồng chị ly thân từ năm

2011 đến tháng 6 năm 2018 (AL) thì anh Ph chết. Khi anh Ph sống chung với chị N thì chị nghe nói là mua bán vật liệu xây dựng nhưng cụ thể như thế nào thì chị không biết. Việc anh P khởi kiện yêu cầu chị N trả số tiền 201.060.000 đồng, chị không có ý kiến.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/02/2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Dương Tấn S2 trình bày:

Ông là cha của anh Dương Tấn Ph. Khoảng năm 2011 thì ông có biết chị N sống chung với anh Ph như vợ chồng ở xã TH, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh nhưng ông không chấp nhận việc anh Ph và chị N sống chung nên chị N không có về nhà ông. Khi anh Ph và chị N sống chung với nhau thì anh Ph không có đem tiền về phụ giúp cho gia đình ông. Việc mua bán vật liệu xây dựng giữa anh Ph, chị N và anh P, ông không biết nên ông không có ý kiến gì.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/02/2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Võ Thị Kim N1 trình bày:

Bà là mẹ của anh Dương Tấn Ph. Bà thống nhất với lời trình bày của ông Dương Tấn S1, bà không có ý kiến bổ sung.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa.

Ông Nguyễn Văn H, chị Nguyễn Thị Ngọc S1, ông Dương Tấn S2, bà Võ Thị Kim N1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H, chị S1, ông S2, bà N1 là có căn cứ.

+ Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các Điều 24, 50 Luật thương mại; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đoàn Văn P. Buộc chị Nguyễn Thị Ánh N trả cho anh Đoàn Văn P số tiền 201.060.000 đồng, ghi nhận anh P không yêu cầu chị N trả tiền lãi.

Chị Nguyễn Thị Ánh N phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Văn H, chị Nguyễn Thị Ngọc S1, ông Dương Tấn S2, bà Võ Thị Kim N1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H, ông S2, bà N1, chị S1.

[2] Về nội dung vụ án: Từ tháng 02 năm 2017 đến tháng 12 năm 2017, Cơ sở sản xuất gạch TH do anh Đoàn Văn P là chủ có thỏa thuận mua bán gạch các loại với Cửa hàng vật liệu xây dựng HT do chị Nguyễn Thị Ánh N làm chủ, việc thỏa thuận mua bán chỉ thỏa thuận miệng, không có làm hợp đồng, hình thức mua bán là khi nào Cửa hàng vật liệu xây dựng HT cần gạch thì Cơ sở sản xuất gạch TH sẽ giao gạch, nếu có tiền thì thanh toán, nếu không có tiền thì ký vào sổ của Cơ sở sản xuất gạch TH đến cuối năm sẽ cộng lại và thanh toán.

Đến ngày 01 tháng 6 năm 2018, anh Ph (là người chung sống với chị N như vợ chồng) thanh toán được 345.470.000 đồng, còn nợ lại 201.060.000 đồng và anh Ph có ký xác nhận lại số tiền còn nợ lại anh P là 201.060.000 đồng và hẹn trả dần hàng tháng là 10.000.000 đồng, nhưng anh Ph chưa trả được số tiền nào thì anh Ph chết.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của anh Đoàn Văn P, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ông Nguyễn Văn H đứng tên trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh HT nhưng ông H cho rằng chỉ đứng tên giùm và chị Nguyễn Thị Ánh N cũng thừa nhận ông H chỉ đứng tên giùm trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh chứ ông H không có trực tiếp mua bán nên ông H không liên quan đến số nợ mà anh P khởi kiện chị N.

Việc mua bán gạch giữa Cơ sở sản xuất gạch TH với Cửa hàng vật liệu xây dựng HT do chị Nguyễn Thị Ánh N làm chủ mặc dù không lập thành hợp đồng mua bán, nhưng căn cứ vào bảng đối chiếu công nợ thực tế ngày 01/6/2018 giữa Cơ sở sản xuất gạch TH với Cửa hàng vật liệu xây dựng HT thì xác định anh Ph, chị N có nợ anh Đoàn Văn P số tiền 201.060.000 đồng. Chị N cho rằng chị là chủ Cửa hàng vật liệu xây dựng HT nhưng năm 2017 chị đã giao Cửa hàng vật liệu xây dựng HT cho anh Ph quản lý nhưng chị không cung cấp được văn bản thỏa thuận việc chị giao Cửa hàng lại cho anh Ph quản lý.

Mặc khác, anh P cung cấp 01 quyển sổ trong đó có chữ ký của chị N và anh Ph về việc mua bán gạch của anh P và chị N thừa nhận chữ ký trong quyển sổ này là của chị nhưng chị cho rằng chị chỉ ký nhận giùm cho anh Ph khi anh Ph không có ở Cửa hàng. Chị N cho rằng anh Ph quản lý Cửa hàng vật liệu xây dựng từ đầu năm 2017 và anh Ph kinh doanh nhằm mục đích đem tiền lợi nhuận về cho chị Nguyễn Thị Ngọc S1 để nuôi con của anh Ph và chị S1 nhưng anh Ph và chị Sáng đã ly thân từ năm 2011 và chị N cũng thừa nhận chị và anh Ph sống chung với nhau từ năm 2010 đến năm 2018 và có 01 con chung sinh năm 2014. Số nợ trên phát sinh trong thời kỳ chị N, anh Ph sống chung với nhau, dù chị N, anh Ph không có đăng ký kết hôn nhưng số nợ trên là của Cửa hàng vật liệu xây dựng HT. Hiện nay, Cửa hàng vật liệu xây dựng HT vẫn còn kinh doanh và do chị N làm chủ trực tiếp quản lý. Nay, anh Ph chết nên chị N (chủ Cửa hàng vật liệu xây dựng HT) phải có trách nhiệm trả số tiền nợ trên cho anh P. Vì vậy, có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi

kiện của anh Đoàn Văn P về việc yêu cầu chị Nguyễn Thị Ánh N trả số tiền còn nợ là 201.060.000 đồng. Anh P không yêu cầu tính tiền lãi, việc không yêu cầu này là tự nguyện, đúng theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của anh Đoàn Văn P được chấp nhận nên chị Nguyễn Thị Ánh N phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 24, 50 Luật thương mại năm 2005; các Điều 430, 440 Bộ luật Dân sự; các Điều 144, 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đoàn Văn P đối với chị Nguyễn Thị Ánh N về số tiền nợ gốc.

Buộc chị Nguyễn Thị Ánh N có nghĩa vụ trả cho anh Đoàn Văn P số tiền 201.060.000 đồng (hai trăm lẻ một triệu không trăm sáu mươi nghìn) đồng. Ghi nhận anh P không yêu cầu chị N trả tiền lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (anh Đoàn Văn P) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án (chị Nguyễn Thị Ánh N) còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Ánh N phải chịu 10.053.000 (mười triệu không trăm năm mươi ba nghìn) đồng tiền án phí KDTM sơ thẩm.

Anh Đoàn Văn P không phải chịu án phí KDTM sơ thẩm; hoàn trả lại cho anh Đoàn Văn P số tiền 5.026.500 (năm triệu không trăm hai mươi sáu nghìn năm trăm) đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm anh P đã nộp tại biên lai thu số 0026175, ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Riêng đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Tân Châu;
- THA-DS Tân Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Phạm Thị Xuân Lan